TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày: 27-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Ông Đoàn Trí Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đam là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Hoàng T**, sinh năm 1971 tại huyện T, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Khóm L, phường T, thị xã C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoàng Long (Thịnh), sinh năm 1932 và bà Trần Thị Thúy Phượng, sinh năm 1942; có vợ Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1973 và 03 con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005. Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Năm 1988 kết hôn với Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, có 03 người con và sống tại Khóm L, phường T, thị xã C, tỉnh An Giang bằng nghề mua bán. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18-10-2019 đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Võ Văn U, sinh năm 1971 nơi cư trú: ấp M, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Thiện P, sinh năm 1984 nơi cư trú: Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Trương Hoàng P1, sinh năm 1969 nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà NLC1, sinh năm 1965.

2. Anh NLC2, sinh năm 2002.

3. Bà NLC3, sinh năm 1973.

4. Anh NLC4, sinh năm 1991.

5. Ông NLC5, sinh năm 1966.

6. Ông NLC6, sinh năm 1972.

7. Ông NLC7, sinh năm 1972.

8. Ông NLC8, sinh năm 1956.

9. Bà NLC9, sinh năm 1967.

10. Ông NLC10, sinh năm 1983.

11. Ông NLC11, sinh năm 1984.

12. Ông NLC12, sinh năm 1974.

13. Ông NLC13, sinh năm 1970.

14. Ông NLC14 , sinh năm 1970

15. Ông NLC15, sinh năm 1981

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2012, Trương Hoàng T có mua xe ô tô 05 chỗ ngồi, đã qua sử dụng, biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng của ông NLC14 với giá khoảng 190.000.000 đến 200.000.000đ. Việc mua bán không làm giấy tờ nên không nhớ rõ giá tiền mua bán xe. Đến khoảng tháng 12 năm 2012, T bán chiếc xe ô tô này cho ông Võ Văn U với giá 195.000.000đ. Ông U nhận xe và sử dụng đến tháng 12 năm 2014 nhưng vẫn chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Do cần đổi xe khác sử dụng nên ông U gọi điện thoại nhờ T bán giùm xe này nhưng không nói giá cả, T đồng ý.

Ngày 21-12-2014, T đến nhận xe tại nhà ông U. Lúc này, có vợ của ông U là bà NLC1 và con là NLC2. Khi đó, ông U lấy giấy tờ đăng ký xe, sổ kiểm định, giấy

bảo hiểm xe và chìa khóa xe ô tô biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW giao cho T. Đồng thời, T có làm biên nhận với nội dung "Trương Hoàng T có nhận của ông Võ Văn U chiếc xe ô tô 05 chỗ ngồi biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng đển bán giùm". Sau đó, T cắm chìa khóa khởi động xe để chạy về nhưng xe không nổ máy. Thấy vậy, ông U gọi điện thoại cho thợ sửa xe ông NLC4 đến sửa chữa. Sau khi sửa xe ô tô xong, ông T điều khiển xe ô tô đem về gửi tại quán cà phê Window của bà NLC9.

Khoảng 02 tháng sau, ông U không thấy T liên lạc về việc bán xe nên ông U đến nhà T thì T cho biết xe chưa bán được. Thời điểm này, xe đang đậu tại nhà T nên ông U đi về.

Sau đó, T bán xe nói trên cho một người lạ (không biết họ tên, địa chỉ) với giá 100.000.000đ. T nhận tiền bán xe xong, chiếm đoạt và trả nợ của cá nhân T cho người khác rồi trốn khỏi địa phương.

Đến khoảng tháng 8 năm 2015, biết tin T đi khỏi nơi cư trú nên ông U đến nhà và gọi điện thoại cho T nhưng không được. Ông U được vợ của T là bà NLC3 cho biết T đã bỏ nhà đi từ ngày 08-3-2015 âm lịch.

Ngày 01-12-2015, ông U đến cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Tân tố giác hành vi của T, yêu cầu xử lý hình sự đối với T và yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/BB-TTHS ngày 31-8-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xác định: Thời điểm xảy ra ngày 21-12-2014, xe ô tô biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng, dung tích xi lanh 1991 cm^3. Công suất 110, số máy 29M7xxx, số khung AA4xxxx, năm sản xuất 1998, xe đã qua sử dụng, có giá 418.000.000 đồng.

Ngày 22-3-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Phú Tân khởi tố vụ án, về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tại kết luận giám định số 26/KLG-PC09 (TL) ngày 06-5-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Chữ ký tên Trương Hoàng T trong "Biên nhận" ngày 21-12-2014 cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Trương Hoàng T trong các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) do cùng một người viết ra; chữ ký tên Trương Hoàng T trong "Biên nhận" ngày 21-12-2014 cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký tên Trương Hoàng T trong các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

Ngày 22-6-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Trương Hoàng T. Do T bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 05-7-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Phú Tân ra quyết định truy nã. Đến ngày 18-10-2019, T bị bắt và tạm giam để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, theo yêu cầu của T về việc định giá lại tài sản là chiếc xe ô tô biển số 52Y – 3xxx. Ngày 17-12-2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang có kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG như sau: Tại thời điểm ngày 21-12-2014, xe ô tô biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng, dung tích xi lanh 1991 cm^3, đã qua sử dụng, năm sản xuất 1998, có giá 195.000.000 đồng.

* **Lời khai của bị hại ông Võ Văn U**: Xe ô tô biển số 52Y – 3xxx mua của Trương Hoàng T vào năm 2012 với giá 195.000.00đ. Đến năm 2014, ông U nhờ T bán giùm xe ô tô này nhưng không nói giá. Ông U đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang đối với xe ô tô là 195.000.000đ. Ông U đã nhận lại xe, bán chiếc xe ô tô cho ông Đỗ Thiện P với giá 70.000.000đ. Ngoài ra, ông U đã nhận tiền bồi thường thêm 125.000.000 đồng của ông Trương Hoàng P1 là anh ruột của T. Ông U đã nhận đủ tiền bồi thường, tự nguyện làm đơn bãi nại, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho T và không yêu cầu T bồi thường thiệt hại gì khác.

* **Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Trương Hoàng P1 trình bày: Số tiền 125.000.000 đồng đã bồi thường thiệt hại cho ông U. Ông Hoàng P1 tự nguyện cho T và không yêu cầu T trả lại.

- Ông Đỗ Thiện P trình bày: Tháng 11-2018 ông P mua xe ô tô đã qua sử dụng, biển số 52Y – 3xxx hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng, dung tích 1991cm^3 của ông NLC10 với giá 95.000.000 đồng. Sau khi mua xe xong, ông P mang xe về đem đi sửa chữa xe và làm thủ tục chuyển quyền sở hữu thì mới biết chiếc xe ô tô đã mua có liên quan đến hành vi phạm tội. Ông P đã giao nộp xe và giấy tờ liên quan. Ông P đã thỏa thuận mua lại chiếc xe ô tô này của ông Võ Văn U với giá 70.000.000 đồng. Ông P yêu cầu T trả lại số tiền 70.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường chi phí đi lại, mất thu nhập và tổn thất tinh thần tổng cộng là 220.000.000 đồng.

* **Người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6, NLC7, NLC8, NLC9, NLC10, NLC11, NLC12, NLC13, NLC14, NLC15** trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Trương Hoàng T về Tội lạm dụng tín nhiệm tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

- Trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Hoàng T mức án từ 01 năm đến 01 năm

06 tháng tù, thời gian chấp hành án kể từ ngày tạm giam 18/10/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Trương Hoàng T.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo T bồi thường cho ông Đỗ Thiện P 70.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thiện P đòi bồi thường chi phí đi lại, mất thu nhập và tổn thất tinh thần 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại ông Võ Văn U xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có yêu cầu bồi thường thêm. Ông Đỗ Thiện P thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hoàng P1, những người làm chứng Bà NLC3, ông NLC5, ông NLC7, ông NLC8, bà NLC9, ông NLC10, ông NLC11, ông NLC12, ông NLC13, ông NLC14, ông NLC15 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.3] Hành vi phạm tội của bị cáo T được thực hiện vào năm 2015, thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo T về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt nhẹ hơn Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng theo quy định của Nghị quyết số 41/2017 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự.

[2] Về trách hình sự:

Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại ông U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và tài liệu trong hồ sơ vụ án như: Biên nhận ngày 21-12-2014, Kết luận giám định về chữ ký của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang đối với chữ ký tên của Trương Hoàng T trong tờ Biên nhận ngày 21-12-2014, Kết luận định giá của Hội đồng định giá tỉnh An Giang đối với chiếc xe ô tô.

Theo các chứng cứ vừa nêu trên, có cơ sở kết luận: Trương Hoàng T đã lợi dụng lòng tin của ông Võ Văn U nhờ T bán dùm xe ô tô biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, số loại 320i, màu sơn trắng, đã qua sử dụng, có giá trị 195.000.000 đồng. Sau khi nhận xe và giấy chứng nhận đăng ký xe, T đem xe trên bán cho một người lạ được trên 100.000.000 đồng trả nợ cá nhân hết rồi bỏ trốn. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo Trương Hoàng T về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Bị cáo T có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do bị cáo thực hiện. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của ông U là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của ông U, được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian nhằn cải tạo, giáo dục bị cáo, thông qua đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình của bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông U; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án xem xét, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhằm giáo dục cho bị cáo sửa đổi lỗi lầm của mình, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Vật chứng vụ án là xe ô tô biển số 52Y – 3xxx, hiệu BMW, Cơ quan điều tra thu hồi từ ông Đỗ Thiện P trả lại cho ông U. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu

giữ các giấy tờ, tài liệu, tài sản của bị cáo T và những người khác nhưng quá trình điều tra đã trả cho chủ sở hữu các giấy tờ, tài liệu, tài sản đã thu giữ.

- Trách nhiệm dân sự: Ông U sau khi nhận lại xe, đã bán xe ô tô cho ông Đỗ Thiện P giá 70.000.000 đồng và nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Ông Đỗ Thiện P mua xe ô tô biển số 52Y – 3xxx từ ông NLC10 có giấy ủy quyền lại trên cơ sở giấy ủy quyền từ người đứng tên giấy đăng ký xe là ông NLC12 nhưng giấy ủy quyền được giám định không phải chữ ký tên của ông NLC12, ông NLC10 cũng không phải là chủ sở hữu xe nên hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 06/11/2018 giữa ông P và ông NLC10 (đại diện ủy quyền) có chứng nhận của Văn phòng Công chứng V do vi phạm điều cấm là vô hiệu. Do đó, Cơ quan điều tra thu hồi xe từ ông P trả lại cho chủ sở hữu xe ông U hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Ông P có bị thiệt hại nhưng thiệt hại này từ giao dịch với ông NLC10, không phải giao dịch với bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho ông P 70.000.000 đồng tiền mua lại xe ông U nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Ông P yêu cầu bồi thường thêm các khoản khác gồm chi phí đi lại, tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần 150.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ông P có quyền khởi kiện hợp đồng mua bán với ông NLC10 bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bị cáo Trương Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng T phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày tạm giam 18-10-2019.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trương Hoàng T bồi thường cho ông Đỗ Thiện P số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thiện P đòi bị cáo T bồi thường chi phí đi lại, mất thu nhập, tổn thất tinh thần số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Hoàng P1 vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn